TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST Ngày 31 tháng 3 năm 2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Vũ Thị Hải Vân;

+ Ông Nguyễn Văn Đang.

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huế – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX- ST ngày 05 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Lê Mạnh T, sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: tổ 2, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Nơi tạm trú: số nhà 2, đường Qu, tổ 1, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: chị Lê Thị P, sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT: tổ 2, phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Nơi tạm trú: thôn Đ, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: anh Lê Mạnh T, chị Lê Thị P đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Lê Mạnh T trình bày:

Ngày 25/7/2014 anh và chị Lê Thị P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố T, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Trong 02 năm đầu thì vợ chồng anh chung sống hạnh phúc. Khoảng tháng 6 năm 2016 anh đi lao động tại Đài Loan. Sau đó chị P cùng 02 con về nhà bố mẹ đẻ của chị P để ở. Tháng 5 năm 2018 vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế, cụ thể là do trong thời gian anh đi lao động tại Đài Loan, anh phải gửi tiền về cho mẹ anh để trả phí lúc xuất cảnh nên anh không thường xuyên gửi tiền về cho chị P. Tháng 6 năm 2018 anh cảm thấy tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên anh đã bỏ 01 năm hợp đồng xin về nước sớm để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh và chị P cùng hai con sinh sống tại nhà bố mẹ vợ được khoảng vài tháng thì anh về nhà anh để sinh sống cho đến nay. Tháng 9 năm 2018 vợ chồng anh bắt đầu sống ly thân. Tháng 6 năm 2019 chị P có gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp để đơn phương ly hôn, do có tranh chấp về nuôi con nên chị P đã rút đơn ly hôn. Trong thời gian ly thân, anh có lên thăm các con thì chị P thường xuyên quát mắng, cấm không các con được chơi với bố. Hiện nay anh không còn tình cảm với chị Lê Thị P nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lê Thị P. Về nuôi con chung: anh và chị P có 02 con chung, cháu lớn tên là Lê Trí M, sinh ngày 17/12/2014, cháu bé tên là Lê Hồng N, sinh ngày 30/7/2016. Hiện nay cháu M, cháu N đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, chị P được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Về căn cứ chứng minh anh có khả năng nuôi được cháu N là anh có nguồn thu nhập ổn định, anh làm việc tại Nhà hàng T có mức thu nhập 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng, từ ngày 13/3/2020 anh làm công nhân tại Công ty TNHH thời trang I có mức lương khoảng là 3.800.000 đồng; ngoài ra anh có đất, có nhà riêng để nuôi con chu đáo. Chị Lê Thị P không có đất, không có nhà ở; hiện nay chị Lê Thị P đang ở nhờ bố mẹ đẻ của chị P. Về cấp dưỡng nuôi con: anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Về con riêng: anh và chị Lê Thị P đều không có con riêng. Về chia tài sản chung, tài sản riêng; nợ chung, nợ riêng: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Lê Thị P đồng ý lời khai của nguyên đơn về đăng ký kết hôn, quá trình phát sinh mâu thuẫn. Do chị không còn tình cảm với anh Lê Mạnh T nên chị đồng ý ly hôn anh Lê Mạnh T. Hiện nay chị không có thai. Về nuôi con chung: chị đồng ý với lời khai của nguyên đơn về việc chị và anh T có 02 con chung như anh T trình bày là đúng. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và chị không đồng ý anh T được nuôi dưỡng cháu N, bởi vì: chị đang làm tổ trưởng quản lý công nhân tại Công ty TNHH V có thu nhập hàng tháng khoảng 6.300.000 đồng, chị có bán mỹ phẩm thiên nhiên L thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng, ngoài ra chị còn làm nhân viên tư vấn chăm sóc khách hàng của Công ty TNHH giải pháp công nghệ ý tưởng V có thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng. Tổng cộng hàng tháng chị có thu nhập khoảng 17.300.000 đồng. Bố mẹ chị giúp

chị chăm sóc các con của chị khi chị đi làm. Nếu giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng thì chị không yên tâm vì anh T không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con tốt bằng chị. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị có đủ điều kiện kinh tế nuôi con nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về con riêng: chị và anh T đều không có con riêng. Về chia tài sản chung, tài sản riêng; nợ chung, nợ riêng: chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị không có yêu cầu phản tố gì.

*. Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*. Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý ly hôn anh T. Bị đơn đề nghị được nuôi cả hai con, không đồng ý anh T được nuôi cháu Lê Hồng N.

*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Mạnh T. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P. Về nuôi con chung: giao cháu Lê Trí M, sinh ngày 17/12/2014 cho chị Lê Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Hồng N, sinh ngày 30/7/2016 cho anh Lê Mạnh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P không đề nghị Tòa án giải quyết. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Lê Mạnh T chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn.

Tại Công văn số 08/VHTT ngày 27/12/2019 của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Tam Điệp cung cấp: anh T và chị P kết hôn có hai người con. Hiện tại anh T đã về sống cùng bố mẹ đẻ ở phường T. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: trong cuộc sống gia đình, do vợ chồng thường xuyên để xảy ra mâu thuẫn, hai người bất đồng quan điểm.

Tại Công văn số 07/LĐTBXH ngày 09/01/2020 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Tam Điệp cung cấp: anh T và chị P có hai con chung là cháu Lê Trí M, sinh ngày 17/12/2014 và cháu Lê Hồng N, sinh ngày 30/7/2016. Hiện hai cháu đang ở cùng mẹ. Tại địa phương không thấy gia đình có biểu hiện đánh đập hay ngược đãi các cháu.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2020, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P kết hôn từ năm 2014. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh T chị P thì tổ dân phố không biết. Về con

chung: tổ dân phố không biết anh T chị P có mấy con chung, các cháu ở với ai và sinh sống như thế nào. Hiện nay anh T đang sống cùng với mẹ đẻ.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2020, Ủy ban nhân dân xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cung cấp: anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P kết hôn với nhau vào năm 2014. Khoảng 01 năm nay vợ chồng mâu thuẫn, chị P cùng với 02 con về sống với bố mẹ đẻ; về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không biết. Về con chung: chị P và anh T có 02 con chung, đó là cháu Lê Trí M và cháu Lê Hồng N. Hiện tại 02 cháu đang sống cùng với chị P. Quá trình chung sống hai cháu được chăm sóc tốt, đi học bình thường, không có biểu hiện bị ngược đãi hay có hành vi khác ảnh hưởng đến sự phát triển của các cháu.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2020, bà Bùi Thị H (mẹ đẻ chị Lê Thị P) trình bày: quá trình chung sống, anh T chị P có mâu thuẫn, gia đình bà đã hòa giải để anh T chị P về đoàn tụ nhưng không có kết quả gì. Từ khi chị P sống với bà, các cháu do bà trực tiếp chăm, đưa các cháu đi học vì chị P đi làm Công ty. Quá trình chăm sóc cho hai cháu, bà thường xuyên bảo đảm hai cháu sinh sống tốt, không bị bạo hành. Mỗi lần anh T lên thăm con, gia đình bà rất tạo điều kiện cho anh T thăm con.

Tại Biên bản xác minh ngày 05/02/2020, bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh Lê Mạnh T) trình bày: về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp đối với vụ án thì bà không biết. Bà chỉ khuyên bảo anh T nên đoàn tụ gia đình nhưng vẫn không có kết quả gì. Hiện nay các cháu M, N đang ở với mẹ của các cháu. Bà thường xuyên đi thăm các cháu và không có ai cản trở gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Anh Lê Mạnh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Chị Lê Thị P có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật là hôn nhân hợp

pháp. Quá trình chung sống do hai bên đương sự bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn. Tháng 6 năm 2019 chị P khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lê Mạnh T. Ngày 20/8/2019 chị P rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, kể từ khi Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2019 cho đến nay, anh T và chị P vẫn sống ly thân, không đoàn tụ gia đình. Anh T và chị P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp hòa giải ngày 05/3/2020 và tại phiên tòa, anh T xin ly hôn, chị P cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị P là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P.

Về nuôi con chung, con riêng:

- Về nuôi con chung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P có 02 con chung, cháu lớn tên là Lê Trí M, sinh ngày 17/12/2014, cháu bé tên là Lê Hồng N, sinh ngày 30/7/2016. Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Tại phiên tòa, anh T trình bày: Sau khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu Lê Hồng N, chị P được nuôi cháu Lê Trí M.

Tại phiên tòa, chị P trình bày: Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả cháu M và cháu N. Chị không đồng ý anh T được nuôi dưỡng cháu Lê Hồng N.

Hội đồng xét xử xét về hoàn cảnh, điều kiện của các đương sự thấy rằng:

Anh T và chị P đều có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định và đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, chị P hiện đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ của chị P; ngoài làm việc tại Công ty TNHH V, bán mỹ phẩm thiên nhiên L, chị P còn làm nhân viên tư vấn chăm sóc khách hàng của Công ty TNHH giải pháp công nghệ ý tưởng V với thời gian trong ngày (chiều từ 17 giờ đến 21 giờ 30 phút, làm 26 ngày trong tháng – bút lục số 100). Do đó, hàng ngày chị P ít có điều kiện về thời gian để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và cháu N. Hiện nay việc chăm sóc cháu M và cháu N chủ yếu do mẹ đẻ chị P chăm sóc (bút lục số 63).

Về phía anh T, anh T có nhà riêng nằm trên thửa đất số 154, tờ bản đồ số 23, lập năm 2004, thửa đất có diện tích 74m^2 đất ở; địa chỉ thửa đất: tổ 1, phường T, thị xã T (nay là thành phố Tam Điệp), tỉnh Ninh Bình do UBND thị xã T, tỉnh

Ninh Bình cấp ngày 03/9/2014 mang tên anh Lê Mạnh T (bút lục số 53); đơn xin xác nhận (bút lục số 54). Mặt khác, anh T ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH thời trang I để làm công nhân, thời gian làm việc 8 giờ/ngày (buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 12 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút, một tuần làm việc 6 ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 (bút lục số 124). Với thời gian nêu trên, anh T có thời gian chăm sóc con, gần gũi con hơn.

Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…".

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu M, cháu N; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N của anh T, giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu M cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi cháu M, cháu N: Anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con riêng:* Anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P đều xác nhận không có.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: trước khi mở phiên tòa, Tòa án tiến hành hòa giải, anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P thuận tình ly hôn và đều đề nghị Tòa án giải quyết án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh T tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật, chị P cũng nhất trí việc anh T nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn. Do đó, anh T chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Mạnh T về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Lê Thị P.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Lê Trí M, sinh ngày 17/12/2014 cho chị Lê Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Lê Hồng N, sinh ngày 30/7/2016 cho anh Lê Mạnh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Mạnh T và chị Lê Thị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Mạnh T chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001521 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; anh Lê Mạnh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Tam Điệp;
- UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng